TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN K** **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 25/4/2019.
"V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K – TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Ông Trương Quang Vinh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Xuân Mỹ.
2. Ông Nguyễn Đình Nghịch.

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Loan – Thư ký Toà án nhân dân huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Thủy – Kiểm sát viên.

Ngày 25/4/2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện K, tỉnh Đắk Lắk mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 247/2018/TLST-HNGĐ, ngày 10 tháng 7 năm 2018 về việc: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 20/3/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2019/QĐST-HNGĐ, ngày 05/4/2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Đặng Thị Kiều O, sinh năm 1990. (Có mặt)
Địa chỉ: Thôn B, xã K1, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

Bị đơn: Anh Phạm Ngọc V, sinh năm 1989. (Có mặt)
Địa chỉ: Thôn T, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện ngày 03/7/2018, bản tự khai và tại phiên tòa chị Đặng Thị Kiều O trình bày:**

Tôi và anh Phạm Ngọc V đăng ký kết hôn tại UBND xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 10/7/2012 trên cơ sở tình yêu tự nguyện, sau khi về chung sống, vợ chồng sống hạnh phúc được năm năm, đến đầu năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do anh V sống không có trách nhiệm với vợ con,

mặc dù làm nghề lái xe khách đường dài, có tiền lương hàng tháng nhưng anh V không đưa cho tôi để nuôi con. Ngoài ra, anh V thường xuyên ghen tuông vô cớ, nghi ngờ tôi có mối quan hệ với người khác nên vợ chồng thường xuyên cãi nhau, nhiều lúc anh V có những lời nói xúc phạm đến danh dự của tôi cũng như bố mẹ tôi. Do vậy từ tháng 7 năm 2017 đến nay, tôi và anh V sống ly thân không ai quan tâm đến ai. Nguyện vọng của tôi là xin được ly hôn anh V.

- Về con chung: Trong thời gian chung sống, tôi và anh V có 01 con chung, cháu Phạm Thị Như Y, sinh ngày 10/5/2013. Hiện nay cháu Y đang ở với tôi tại thôn B, xã K1, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Nguyện vọng của tôi xin được nuôi cháu Phạm Thị Như Y cho đến khi cháu Y đủ 18 tuổi. Tôi yêu cầu anh Phạm Ngọc V cấp dưỡng 2.000.000 đồng/tháng để nuôi cháu Phạm Thị Như Y cho đến khi cháu Y đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung, nợ chung: Tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Tại bản tự khai, Biên bản hòa giải và tại phiên tòa anh Phạm Ngọc V trình bày:**

- Về quan hệ hôn nhân: Tôi và chị Đặng Thị Kiều O đến với nhau trên cơ sở tình yêu tự nguyện, chúng tôi đăng ký kết hôn tại UBND xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 10/7/2012. Sau khi về chung sống, vợ chồng sống hạnh phúc được năm năm, đến đầu năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống. Tại thời điểm từ năm 2012 đến năm 2017, vợ chồng tôi đang ở chung với bố mẹ của tôi, nên khi nhận tiền lương về, tôi đưa cho mẹ tôi để chi phí cho gia đình. Ngoài ra, do đặc thù nghề nghiệp của tôi là làm lái xe nên có những lúc không thể ở bên cạnh vợ con được. Tháng 7 năm 2017, cô O và con về thuê nhà tại thôn B, xã K1, huyện K, tỉnh Đắk Lắk để mở tiệm làm tóc, cô O hay đi chơi với bạn bè nên tôi không đồng ý, do vậy vợ chồng thường xuyên cãi nhau, nhiều lúc không kiềm chế được bản thân nên tôi đã có những lời nói xúc phạm đến danh dự của cô O. Từ tháng 7/2017 đến nay vợ chồng sống ly thân, không quan tâm nhau. Mặc dù vợ chồng sống không hạnh phúc nhưng tôi có nguyện vọng xin được đoàn tụ để vợ chồng cùng nuôi dạy con chung.

- Về con chung: Tôi và cô O có 01 con chung, cháu tên Phạm Thị Như Y, sinh ngày 10/5/2013. Hiện nay cháu Y đang ở với chị Đặng Thị Kiều O. Nếu tòa án cho vợ chồng tôi ly hôn, tôi đồng ý giao cháu Phạm Thị Như Y cho cô O chăm sóc, nuôi dưỡng. Tôi tự nguyện trợ cấp 2.000.000 đồng/tháng để cô O nuôi cháu Phạm Thị Như Y cho đến khi cháu Y đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung, nợ chung: Tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân huyện K đã tống đạt Thông báo về việc

thụ lý vụ án cho nguyên đơn, bị đơn; Tiến hành thu thập chứng cứ, mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải. Do các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án, căn cứ Điều 203, Điều 220 của Bộ luật Tố tụng dân sự (BLTTDS) Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Phần tranh luận:

- Nguyên đơn chị Đặng Thị Kiều O trình bày ý kiến tranh luận:

Về quan hệ hôn nhân: Trong quá trình chung sống, anh V không làm tròn bổn phận của người chồng, không quan tâm đến gia đình. Mặc dù có thu nhập lương hàng tháng ổn định, nhưng anh V không đưa tiền cho tôi để chăm sóc con. Do vậy, đến tháng 7/ 2017, tôi thuê nhà tại Km 47 – Quốc lộ 26 thuộc thôn B để làm nghề tóc để có tiền mua sữa và tiền nộp học cho con, anh V không động viên tôi mà còn ghi ngờ, ghen tuông vô cớ, xúc phạm đến danh dự nhân phẩm của tôi và gia đình tôi. Từ tháng 7/2017 đến nay vợ chồng sống ly thân, không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Điều đó chứng minh tôi và anh V sống không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên tôi đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn anh Phạm Ngọc V.

Về con chung: Hiện nay tôi đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn B, xã K1, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Tôi thuê nhà nguyên căn để ở và làm tóc, cháu Phạm Thị Như Y sống với tôi từ năm 2017 đến nay, cháu Y đang học lớp mẫu giáo gần nơi tôi thuê nhà. Nguyện vọng của tôi xin được nuôi cháu Y, và yêu cầu anh V trợ cấp tiền nuôi cháu Y mỗi tháng 2.000.000đ cho đến năm cháu Y đủ 18 tuổi.

- Bị đơn anh Phạm Ngọc V trình bày ý kiến tranh luận: Thời gian từ năm 2012 đến năm 2017, vợ chồng tôi chung sống với bố mẹ, nên khi nhận tiền công do nhà xe trả, tôi đưa về cho mẹ để chi phí cho cả gia đình sinh sống. Vì vậy vợ chồng bất đồng quan điểm với nhau, thường hay cãi nhau. Tháng 7/2017 cô O thuê nhà ở Km 47, Quốc lộ 26 – thuộc thôn B, xã K1 để làm nghề, cô O hay giao lưu với bạn bè nên tôi không đồng ý, tôi góp ý cô O không nghe, nên vợ chồng thường xuyên cãi nhau, nhiều lúc không kiềm chế được bản thân, tôi có những lời nói xúc phạm đến danh dự của cô O. Vợ chồng sống ly thân, không quan tâm đến nhau từ tháng 7 năm 2017 đến nay. Tôi nhận thấy cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc nhưng tôi có nguyện vọng mong cô O suy nghĩ lại để vợ chồng đoàn tụ, nuôi dạy cháu Y trưởng thành. Tôi đề nghị HĐXX bác yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của cô O.

Về con chung: Nếu Tòa án cho vợ chồng tôi ly hôn, thì tôi đồng ý giao cháu Phạm Thị Như Y cho cô O chăm sóc, nuôi dưỡng. Tôi tự nguyện cấp dưỡng tiền nuôi cháu Y mỗi tháng 2.000.000đ cho đến khi cháu Y đủ 18 tuổi.

Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự của Người tiến hành tố tụng và của người tham gia tố tụng: Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 212, Điều 246 Bộ luật tố tụng dân sự. Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký đã tiến hành thụ lý, thu thập chứng cứ và xét xử vụ án theo đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục mà pháp luật quy định. Nguyên đơn chị Đặng Thị Kiều O và bị đơn anh Phạm Ngọc V đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Áp dụng Điều 147, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, 58, 81, 82, 83, 107, 110, 116, 117, 118 của Luật hôn nhân và gia đình. Đề nghị Hội đồng xét xử: Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn chị Đặng Thị Kiều O: Cho chị Đặng Thị Kiều O được ly hôn với anh Phạm Ngọc V; Về con chung: Giao cháu Phạm Thị Như Y, sinh ngày 10/5/2013 cho chị Đặng Thị Kiều O trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu Y đủ 18 tuổi; Về cấp dưỡng nuôi con chung: Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận giữa chị Đặng Thị Kiều O và anh Phạm Ngọc V: Anh Phạm Ngọc V đồng ý cấp dưỡng 2.000.000 đồng/tháng để nuôi cháu Phạm Thị Như Y cho đến khi cháu Y đủ 18 tuổi; Về tài sản chung, nợ chung: các đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

- Về thời hạn chuẩn bị xét xử: Tòa án vi phạm thời hạn chuẩn bị xét xử.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định về nội dung vụ án như sau:

[1] Xét về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền thụ lý giải quyết vụ án: Căn cứ đơn khởi kiện của chị Đặng Thị Kiều O lập ngày 03/7/2018, Tòa án nhân dân huyện K xác định quan hệ pháp luật tranh chấp: Kiện ly hôn, tranh chấp nuôi con chung được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Xét thấy tại thời điểm chị Đặng Thị Kiều O làm đơn khởi kiện, bị đơn anh Phạm Ngọc V đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú tại thôn T, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Do vậy, Tòa án nhân dân huyện K căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Đặng Thị Kiều O**:**

[2.1] Xét yêu cầu xin ly hôn: Chị Đặng Thị Kiều O và anh Phạm Ngọc V đến với nhau trên cơ sở tình yêu tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 10/7/2012, đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ.

Trong quá trình chung sống vợ chồng sống hạnh phúc được năm năm, đến năm 2017 phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn theo lời trình bày của chị O và anh V khai nhận là do vợ chồng bất đồng quan điểm trong việc phát triển kinh tế gia đình, anh V không quan tâm đến vợ và con. Khi nhận được tiền lương lái xe, anh V không đưa cho chị Oanh để cùng lo chi phí cho con. Tháng 7 năm 2017, chị Oanh về Km 47, Quốc lộ 26 – thuộc thôn B, xã K1, huyện K thuê nhà làm nghề tóc, để có thu nhập lo cho cháu Y, anh V ghen tuông vô cớ nên giữa anh V và chị O xảy ra cãi nhau. Nhiều lúc không kiềm chế được bản thân, anh V đã có những lời nói xúc phạm đến chị O. Vì vậy vợ chồng sống ly thân từ tháng 7 năm 2017 đến nay, không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau.

Để có cơ sở pháp lý giải quyết vụ án, ngày 19/1/2018 Tòa án nhân dân huyện K tiến hành xác minh tình trạng hôn nhân giữa chị Đặng Thị Kiều O và anh Phạm Ngọc V (Bút lục số 20) tại nơi cư trú của anh V, chị O sinh sống từ năm 2012 đến năm 2017 là Thôn T, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Kết quả ban tự quản cung cấp như sau:

"Anh Phạm Ngọc V và chị Đặng Thị Kiều O xác lập quan hệ vợ chồng và sinh sống tại thôn T, xã E từ năm 2012 đến năm 2017. Quá trình vợ chồng sống chung anh V, chị O có xảy ra mâu thuẫn hay không thì ban tự quản không nắm được, do chị O và anh V không yêu cầu địa phương can thiệp. Tuy nhiên đến năm 2017, chị O cùng con gái đã đi nơi khác sinh sống, từ đó đến nay chị O không về lại địa phương và cũng từ đó đến nay anh V và chị O sống ly thân".

Căn cứ vào lời trình bày của chị O và anh V, kết quả xác minh tại chính quyền địa phương đã có đủ căn cứ xác định: Trong quá trình chung sống chị Đặng Thị Kiều O và anh Phạm Ngọc V có mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm trong việc phát triển kinh tế gia đình, anh V không quan tâm đến vợ và con, ghen tuông vô cớ nên có những lời nói xúc phạm đến danh dự của chị O. Từ tháng 7 năm 2017, chị O và anh V chồng sống ly thân, không quan tâm, chăm sóc lẫn nhau.

Theo khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình quy định:

"Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được."

Xét thấy tình trạng hôn nhân giữa chị Đặng Thị Kiều O và anh Phạm Ngọc V đã mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung của vợ chồng không thể kéo dài. Vì vậy, Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 51;

Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình cho chị Đặng Thị Kiều O được ly hôn với anh Phạm Ngọc V là phù hợp với quy định của pháp luật

Việc anh Phạm Ngọc V đề nghị HĐXX bác yêu cầu xin ly hôn của chị Đặng Thị Kiều O là không có căn cứ, nên HĐXX không chấp nhận.

[2.2] Xét yêu cầu nuôi con chung, trợ cấp tiền nuôi con: Chị O và anh V có 01 con chung, cháu Phạm Thị Như Y, sinh ngày 10/5/2013. Hiện nay cháu Y đang ở với chị Đặng Thị Kiều O tại thôn B, xã K1, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Xét thấy chị O có nơi cư trú ổn định, nhập học cho cháu Y tại trường mẫu giáo gần nhà. Do vậy, chị O đủ điều kiện chăm sóc nuôi dưỡng cháu Y. Tại phiên tòa chị O và anh V thỏa thuận:

Giao cháu Phạm Thị Như Y, sinh ngày 10/5/2013 cho chị Đặng Thị Kiều O trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cho đến khi cháu Phạm Thị Như Y đủ 18 tuổi.

Anh Phạm Ngọc V được quyền đi lại thăm nom con chung không ai được quyền ngăn cản.

Anh Phạm Ngọc V đồng ý cấp dưỡng 2.000.000 đồng/ 1 tháng để nuôi cháu Phạm Thị Như Y cho đến khi cháu Ý đủ 18 tuổi. Thời gian cấp dưỡng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm, ngày 25 tháng 4 năm 2019.

Xét thấy việc thỏa thuận giữa chị Đặng Thị Kiều O và anh Phạm Ngọc V về phần con chung, trợ cấp tiền nuôi con là hoàn toàn tự nguyện, không trái đạo đức xã hội nên HĐXX chấp nhận sự tự nguyện thỏa thuận trên của các đương sự.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[4] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27, điểm b khoản 6 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí toà án.

Chị Đặng Thị Kiều O phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Anh Phạm Ngọc V phải chịu 300.000 đồng án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng theo định kỳ.

[5] Xét quan điểm và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K, tỉnh Đắk Lắk tại phiên tòa là có căn cứ, đúng pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ quan điểm của Viện kiểm sát.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 70; khoản 4 Điều 147; Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 107, Điều 110, Điều 116, Điều 117 và Điều 118 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5, điểm b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí toà án;

Tuyên xử:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Đặng Thị Kiều O được ly hôn với anh Phạm Ngọc V.

[2] Về con chung: Giao cháu Phạm Thị Như Y, sinh ngày 10/5/2013 cho chị Đặng Thị Kiều O trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu Ý đủ 18 tuổi.

- Anh Phạm Ngọc V được quyền đi lại thăm nom con chung không ai được quyền ngăn cản.

[3] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Phạm Ngọc V đồng ý cấp dưỡng tiền nuôi cháu Phạm Thị Như Y mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi cháu Y đủ 18 tuổi.

Thời gian cấp dưỡng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm, ngày 15/4/2019.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí:

- Chị Đặng Thị Kiều O phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Đắk Lắk theo biên lai số AA/2017/0005205 ngày 09 tháng 7 năm 2018.

- Anh Phạm Ngọc V phải chịu 300.000 đồng án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng theo định kỳ.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự;

thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận :
- *VKSND huyện K;*
- *THADS huyện K;*
- *TAND tỉnh Đắk Lắk;*
- *VKSND tỉnh Đắk Lắk;*
- *Đương sự;*
- *UBNS xã E;*
- *Lưu hồ sơ, VT.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Trương Quang Vinh